

CHẾ LAN VIÊN - “THƠ KHÔNG CHỈ ĐƯA RU MÀ CÒN THỨC TỈNH”

◆ GS.TS. TRẦN ĐĂNG SUYỀN

Có người gọi Chế Lan Viên là một nhà tư tưởng. Điều đó có phần đúng. Những nhà văn lớn xưa nay, về thực chất, họ là những nghệ sĩ – một kiểu nghệ sĩ đặc biệt. Ở họ, nhà nghệ sĩ thống nhất với nhà tư tưởng. Qua những tác phẩm văn chương, những hình tượng và biểu tượng nghệ thuật độc đáo - là những sáng tạo riêng thể hiện sâu sắc cá tính sáng tạo - nhà văn thể hiện những quan niệm riêng, tư tưởng nghệ thuật riêng của mình. Và ông ta hiện ra như một nhà tư tưởng. Ở những tài năng lớn, nhà nghệ sĩ đồng thời là những nhà tư tưởng lớn. Trong nền thơ hiện đại Việt Nam, Chế Lan Viên là một nhà thơ có tầm vóc ấy.

Chế Lan Viên là nhà thơ lớn, “một trí tuệ và một tài năng lớn”¹. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng thơ Chế Lan Viên giàu chất trí tuệ. Điều này có cội nguồn từ cá tính của ông, một con người lý trí, cực kỳ thông minh, vô cùng tinh táo, uyên bác và đầy tài năng, xứng đáng là một nhà bách khoa toàn thư. Ở Chế Lan Viên, thiên về lý trí tinh táo, sắc sảo; sự thông minh và tài hoa ưu trội hơn cái “tình”, “mê”. Chế Lan Viên rất tâm đắc với quan niệm “Thơ phải là ngày hội của lý trí” (La poésie est une fête de l'intellect) của Paul Valéry. Kế thừa và phát triển quan niệm về thơ, qua thực tiễn sáng tác của mình, Chế Lan Viên khẳng định: “Thơ không chỉ đưa ru mà còn thức tỉnh”². Cá tính và quan niệm về thơ như thế chính là cội nguồn trực tiếp, góp phần quyết định tạo nên phong cách nghệ thuật thơ Chế Lan Viên.

Phong cách nghệ thuật của Chế Lan Viên trước hết được thể hiện ở cái nhìn nghệ thuật về thế giới và con người giàu chất trí tuệ, đa diện, nhiều chiều, mang tầm triết lý, giàu tính phát hiện của ông.

Thơ Chế Lan Viên chinh phục người đọc trước hết bằng một trí tuệ thông minh, vô cùng sắc sảo. Chính cái trí tuệ cực kỳ sắc sảo của ông đã tạo nên cái nhìn thiên về duy lý, cái nhìn ở chiều sâu, khám phá thế giới và con người ở cái bề chưa thấy, “Khai quật các tầng sâu, ăn vào mùi hương trầm tích”, nhằm phát hiện ra bản chất của nó. Ngòi bút thông minh, sắc sảo của ông có khả năng chạm vào cốt lõi của những vấn đề về cuộc sống và con người, về dân tộc và thời đại.

Tư duy thơ Chế Lan Viên độc đáo ở chỗ, đó là kiểu tư duy không chỉ dừng lại ở cảm xúc, ở bề ngoài của sự vật mà còn luôn có ý thức khám phá cái bên trong, bản chất của đối tượng, hướng tới nắm bắt cái ý nghĩa hàm ẩn, sâu xa trong mỗi sự vật, hiện tượng và bằng những hình tượng, biểu tượng nhiều tầng, đa nghĩa, qua tường tượng, liên tưởng đặc sắc, phong phú, đầy bất ngờ mà liên kết các sự vật, hiện tượng trong nhiều mối tương quan, qua đó làm bật ra những ý nghĩa sâu sắc. Con người và cuộc đời hiện ra trong thơ Chế Lan Viên không chỉ như nhà thơ cảm xúc về nó mà còn là, chủ yếu là như nhà thơ suy nghĩ, nghiền ngẫm về nó. Kiểu tư duy nghệ thuật của ông không thiên về cảm xúc, cảm giác mà thiên về trí tuệ, có

khả năng thâm nhập vào bề sâu và khám phá các bình diện của đối tượng, soi sáng nó trong nhiều mối tương quan, trong quá trình vận động và phát triển để phát hiện những ý nghĩa tiềm ẩn mới mẻ, tạo nên những “khoái cảm trí tuệ” cho người đọc. Đó còn là kiểu tư duy tranh luận, đối thoại. Tranh luận, đối thoại trở thành cảm hứng chủ đạo trong nhiều bài thơ của ông.

Đề cao chất trí tuệ là một đặc trưng cơ bản, thể hiện quan niệm, tầm nhìn mang tính chiến lược, bao trùm và xuyên suốt đời thơ Chế Lan Viên. Trước Cách mạng, Chế Lan Viên quan niệm: “Làm thơ là làm sự phi thường” (Tựa tập thơ *Điều tàn*). Vì thế, trong khi chủ đề cá nhân là chủ đề nổi bật trong phong trào Thơ mới thì với *Điều tàn*, ông lại khai thác đề tài về số phận của dân tộc Chàm – một dân tộc bị diệt vong, bị thời gian chôn vùi. Điều đó ít nhiều có mối liên hệ với tình cảnh đương thời của dân tộc Việt Nam ta, như sau này ông nói: “Ôi! dân Chàm nước mất/ Kiếp dân mình đâu xa” (*Ngoảnh lại mười lăm năm*). Điều đó cũng thể hiện sâu sắc quan niệm nhất quán trong suốt đời thơ của ông: “Đề tài về số mạng của từng khối người, tập thể người, nhân loại cần phải đặt cao hơn đề tài về thân phận một con người...”³. Sau Cách mạng, quan niệm làm thơ là làm sự phi thường vẫn được duy trì, đồng thời được bổ sung, được làm rõ hơn trong ý thức nghệ thuật: “Phát giác sự việc ở bề chưa thấy/ Ở cái bề sâu, ở cái bề sau, ở cái bề xa” (*Thời sự hè 72, bình luận*).

Truyền thống thơ Việt Nam, thơ phương Đông vốn đề cao vai trò của tình cảm. Lê Quý Đôn cho rằng: “Thơ phát khởi từ trong lòng người ta”. Nói đến thơ, người ta

thường đặc biệt chú ý đến vai trò của tình cảm, của những rung động tâm hồn. Để tăng cường tính hiện đại cho thơ, Chế Lan Viên lại khẳng định: “Thơ không phải chỉ đưa ru mà còn thức tỉnh”. Chế Lan Viên tuy thừa nhận đặc trưng cơ bản của thơ là ở tình cảm, ở những rung động tâm hồn, nhưng nhấn mạnh thơ không hề đối lập với lý trí, trí tuệ và suy tưởng (“thức tỉnh”), nếu gạt bỏ trí tuệ ra khỏi thơ thì vô hình trung đã làm mất đi sức mạnh to lớn, kỳ diệu của nghệ thuật thơ ca. Chất trí tuệ không chỉ tham gia vào sự sáng tạo nghệ thuật như một yếu tố cơ bản mà còn tạo nên vẻ đẹp và sức hấp dẫn riêng của thơ, làm giàu thơ ca bằng những phát hiện sâu sắc về chân lý đời sống, về con người và nghệ thuật. Với quan niệm thơ như vậy, Chế Lan Viên đã đưa vào sáng tạo nghệ thuật nhiều thao tác của tư duy như phân tích, khái quát, suy tưởng, so sánh, liên tưởng... Có thể khẳng định, quan niệm về thơ nói trên của Chế Lan Viên là một quan niệm đúng đắn, sâu sắc, có tính hiện đại. Nó vừa kế thừa quan niệm thơ truyền thống vừa có sự tiếp nối, bổ sung, làm giàu có thêm đặc trưng của thơ. Đó là nhân tố tối quan trọng, là cơ sở tạo nên phong cách thơ độc đáo của Chế Lan Viên – một phong cách thơ giàu chất trí tuệ. Tăng cường chất trí tuệ, chất chính luận, triết lý trong thơ cũng là khuynh hướng phát triển của mọi nền thơ hiện đại.

Nếu như kiểu tư duy, cách biểu hiện của Xuân Diệu thiên về cảm xúc thì của Chế Lan Viên lại thiên về trí tuệ. Lấy điểm tựa là chất trí tuệ, dựa vào sức mạnh của trí tuệ là nét đặc trưng cơ bản nhất, nổi trội nhất, bao trùm, xuyên suốt đời thơ Chế Lan Viên. Trí tuệ là rường cột, là trụ cột tạo nên cái đỉnh

tư tưởng nghệ thuật thơ ông. Dù khuynh hướng, cảm hứng chủ đạo, chủ đề của thơ Chế Lan Viên có khác nhau qua từng thời kỳ nhưng nét nhất quán, xuyên suốt đời thơ ông vẫn nổi bật lên ở chất trí tuệ, với quan niệm làm giàu thêm sự suy nghĩ cũng chính là làm giàu cho thơ.

Thiên về trí tuệ, điều đó cũng chi phối cách lựa chọn đề tài, khuynh hướng xác lập chủ đề có tính chất khái quát, tổng hợp của Chế Lan Viên. Nhiều sáng tác của ông lấy sự kiện chính trị, thời sự làm điểm xuất phát, song từ những điểm xuất phát đó, xu hướng chung của thơ Chế Lan Viên là vượt lên nhằm đạt tới sự khái quát sâu sắc về cuộc sống, con người và nghệ thuật. “Thơ phát khởi từ lòng người”, như Lê Quý Đôn nói, nhưng với Chế Lan Viên, thơ cũng không dễ phát khởi. Cuộc sống va đập vào ông cũng không dễ tạo ngay được cảm hứng, cũng không dễ làm xúc động được hồn thơ. Và ngay cả những sự kiện có liên quan đến cuộc đời riêng tư của ông thì sự kiện ấy phải va đập rất mạnh, rồi lại phải có thời gian, phải suy tư, phải trăn trở và cả những day dứt dày vò nữa, dồn nén đến cao độ mới có thể bật ra thành thơ. Để “xúc động được hồn thơ cho ngọn bút có thần” (Lê Quý Đôn), ở Chế Lan Viên phải qua một sự suy tư, chiêm nghiệm dài lâu, đúng như câu thơ của ông: “Cho đến được lúa vàng, đất mật/ Phải trên lòng bao trận gió mưa qua” (*Nay đã phù sa*). Với Chế Lan Viên, thơ không chỉ là tiếng lòng, là tiếng nói của tình cảm, của tâm hồn mà còn là tiếng nói của lý trí, lý trí căng thẳng làm lay động cảm xúc, nâng cao cảm xúc, tạo nên sự hòa hợp giữa lý trí và cảm xúc. Điều này cũng chi phối cách làm thơ của riêng ông. Võ Văn Trực

nhận xét: Ở Chế Lan Viên, “rất hiếm một bài thơ được viết “tại trận”. Qua bao nhiêu nghiên ngẫm, qua bao nhiêu bản nháp, qua bao nhiêu thay đi đổi lại một từ ngữ, anh mới cầm bút viết câu mở đầu một bài thơ”⁴. Vân Long cho biết, có lần anh đưa nhà thơ Chế Lan Viên “đi thăm chùa Dư Hàng, đền thờ bà Lê Chân ở Hải Phòng. Vừa chiêm ngưỡng cảnh, vừa nghe giới thiệu, thỉnh thoảng tôi lại thấy nhà thơ rút bút ghi vội mấy dòng. Tôi nhìn lướt qua vai ông: Trời ơi! Thì ra ông ghi nguyên từng câu thơ vừa nghĩ, thường là hai câu một, để diễn tả một ý tưởng. Đó là cách làm việc độc đáo của riêng ông”⁵.

Cái nhìn thế giới và con người giàu chất trí tuệ thể hiện ở khả năng “Phát giác sự vật ở những bề chưa thấy/ Ở cái bề sâu, ở cái bề sau, ở cái bề xa” của Chế Lan Viên, tạo nên kiểu tư duy nghệ thuật, như trên đã viết, giàu suy tưởng, thiên về trí tuệ của ông. Kiểu tư duy nghệ thuật này được thể hiện rất rõ ở cái “tôi” trữ tình thông minh, sắc sảo, ưa thích tự phân tích và mổ xẻ. Nhân vật trữ tình trong thơ ông hiện ra như một con người thông minh, uyên bác, huy động tri thức thuộc nhiều lĩnh vực. Một con người thích phân tích, ưa biện luận, cứ muốn lật đi lật lại vấn đề để nắm bắt cho được cái bản chất, ý nghĩa sâu xa của nó. Một con người đầy suy tư, luôn đắm chìm trong suy tưởng, khao khát nắm bắt cái tôi bản thể của con người và bản chất của vấn đề, không bao giờ tự bằng lòng với hiểu biết của mình.

Trước Cách mạng, nhân vật trữ tình trong thơ Chế Lan Viên chìm đắm trong suy tưởng, triền miên trong nỗi đau hủy diệt của cả một dân tộc. Sau Cách mạng, nhân vật trữ tình trong thơ ông có sự hòa hợp cái riêng

và cái chung, vươn tới cái ta chung nhưng vẫn đầy trần trò, day dứt: “Ta là ai? như ngọn gió siêu hình/ Câu hỏi hư vô thối nghìn nền tắt/ Ta vì ai? khê xoay chiều ngọn bắc/ Bàn tay người thấp lại triệu chồi xanh” (*Hai câu hỏi*). Nhân vật trữ tình trong thơ Chế Lan Viên từ 1945 đến 1975, nhất là trong những năm chống Mĩ, thông minh, sắc sảo, thích đối thoại, ham tranh luận, triết luận, với ý thức đối “tiếng nói trong khuê phòng ra tiếng nói của đời, sự thù thù vào tai của một người thành giọng ca hùng tráng cho muôn ngàn quần chúng” (*Tựa Thơ chống Mĩ, cứu nước*). Đến cuối đời, nhân vật trữ tình trong thơ ông vẫn không nguôi nghĩ suy, day dứt đi tìm cái bản sắc của mình: “Anh là tháp Bay-on bốn mặt/ Giấu đi ba, còn lại đấy là anh/ Chỉ mặt đó mà nghìn trò cười khóc/ Làm đau ba mặt kia trong cõi ân hình” (*Tháp Bay-on bốn mặt*). Vẫn trần trò tìm đường: “Ôi! con đường không ra đường của kẻ tìm thơ/ Cái thơ không ra thơ của kẻ tìm đường/ Đã gần hết thời gian của tôi ở trên trái đất/ Mà tôi chưa có thể trả lời cho mẹ/ Mẹ đâu biết rằng:/ Hoa tôi hái trên trời/ Cũng là nước mắt/ Dưới xa kia” (*Tìm đường*). Vẫn đau đớn khi nhận ra “Người diễn viên ấy đóng trăm vai, vai nào cũng giỏi/ Chỉ một vai không đóng nổi:/ - Vai mình!/ Lỗi ở ai nào? Chính lỗi ở anh!/ Cuộc đời anh, quan liêu, anh chả thuộc/ Anh nghĩ nó là đời anh, nhớ hay quên lúc nào chả được/ Anh đóng giỏi trăm vai, lại đánh mất mình” (*Thơ về thơ*). Cái “tôi” trữ tình cuối đời hiện lên như một triết nhân đầy trần trò, suy tư, giàu chiêm nghiệm về con người, về mình, về ta, khao khát đi đến tận cùng giải đáp về bản thể: “Ta là ai? Về đâu? Hạt móc/ Là ta chẳng? Dòng sông là ta chẳng? Tiếng khóc/ Là ta chẳng? Ta chưa kịp trả lời/ Thì sông đã

cuốn ta vào bóng tối” (*Hỏi? Đáp*). Có thể nói, hai câu hỏi lớn Ta là ai? Ta vì ai? cứ chập chờn ẩn hiện suốt các chặng đường thơ Chế Lan Viên, qua đó làm hiện lên nét đặc trưng chân dung tinh thần của một nhà thơ luôn đặt vấn đề về cuộc sống và nghệ thuật, luôn luôn tự hỏi mình và trả lời mình. Một con người bản khoả trần trò nhiều về triết lý nhân sinh, suốt đời đi tìm cái bí ẩn của bản thể người, cái bản chất, cốt lõi của mỗi hiện tượng, sự vật và cái vẻ đẹp kỳ diệu, vô cùng vô tận của nghệ thuật thơ ca.

Thơ Chế Lan Viên giàu chất trí tuệ, điều đó còn thể hiện ở phương thức tạo dựng hình tượng, phương thức biểu hiện nghiêng theo chiều hướng khái quát hóa. Trí tuệ, độc đáo và đầy bản lĩnh còn thể hiện ở chỗ, trong khi những nhà thơ từ 1945 đến 1975 nói nhiều đến thực tế với quan niệm thơ cần phản ánh chân thật hiện thực đời sống thì Chế Lan Viên lại cho rằng “làm thơ, chính là nói, là viết cái điều tởa ra trước thực tế chứ không phải chỉ bằng bản thân thực tế”, và ông đã “nói nhiều về kỷ niệm, kỷ niệm như một chất liệu trực tiếp”, nói nhiều đến tương lai, đến cái kỳ ảo, đến con mơ và mộng tưởng. Chính điều đó đã góp phần tạo nên thế giới nghệ thuật thơ đa tầng ý nghĩa, lung linh sắc màu, lộng lẫy, hào hoa của Chế Lan Viên. Chính điều đó cũng giúp ông sáng tạo nên những hình tượng thơ độc đáo, in đậm cá tính sáng tạo của ông như hình tượng nhân dân, hình tượng Tổ quốc và hình tượng Bác Hồ. Nếu không có trí tuệ sắc sảo, không có vốn văn hóa sâu rộng, Chế Lan Viên không thể tạo nên được những hình tượng nghệ thuật phong phú, nhiều tầng, giàu ý nghĩa như thế.

Chế Lan Viên cho rằng: “Nghệ sĩ là người nào biết gián cách họ với ta bằng tác phẩm/ Đem tất cả cái Bên Trong tạo hình thức Bên Ngoài” (*Tạo hóa tạo hình*). Đọc thơ Chế Lan Viên, có thể thấy được cái nỗ lực phi thường của ông đem “tất cả cái hình thức Bên Trong” của một con người vừa có trí tuệ cực kỳ sắc sảo vừa nhất mực tài hoa để tạo “hình thức Bên Ngoài” vừa độc đáo vừa đa dạng, phong phú. Trí tuệ được thể hiện qua những tứ thơ độc đáo, ý thơ vô cùng sắc sảo, có nhiều tìm tòi về nghệ thuật biểu hiện. Trí tuệ thể hiện ở năng lực tổ chức kết cấu. Nhiều bài thơ của Chế Lan Viên kết cấu chặt chẽ, trong đó có những bài có dáng dấp kết cấu giao hưởng của những bản giao hưởng thơ hiện đại. Thơ Chế Lan Viên là một thể giới nghệ thuật phong phú, đa dạng về motif, những ý tứ cứ nối tiếp nhau, luôn mở rộng, nhiều chiều và phong phú, bài sau bổ sung cho bài trước, ngôn ngữ thơ cũng thiên về trí tuệ. Theo nhà thơ Phạm Hồ, “với những bài thơ dài, lúc nào Chế Lan Viên cũng có sự chuẩn bị rất kỹ lưỡng, về bố cục, về chất liệu. Những lúc đó, anh như một chủ tướng ngoài mặt trận, một chỉ huy trưởng trên công trường”⁶.

Tư duy thơ của Chế Lan Viên đặc biệt nhạy bén, ưa thích và say mê phát hiện những tương quan đối lập của các sự vật và hiện tượng. Nếu Huy Cận luôn có ý thức khám phá sự hài hòa của đời sống thì Chế Lan Viên luôn có ý thức nhìn con người và cuộc đời qua lăng kính tương phản, đối lập, khai thác triệt để phạm trù đối lập để tạo nên hình tượng thơ độc đáo của mình, qua đó phát hiện sâu sắc hơn bản chất của đối tượng, những quy luật, chân lý của đời sống, đồng thời cũng làm rõ hơn sự vận động, đổi

thay của sự vật, của cuộc đời. Những hiện tượng, những đối tượng nghệ thuật của ông hiện ra không phải là một cái gì tĩnh tại mà có cả một quá trình vận động và phát triển. Chế Lan Viên ưa thích và thường sử dụng đầy hiệu quả các phạm trù đối lập như: thật-giả, thực-hư, hữu hạn-vô cùng, sáng-tối, ẩn-hiện... Nhiều bài thơ của ông neo vào tâm trí người đọc một phần là do sử dụng tài tình thủ pháp nghệ thuật này. Ấy là khi ông viết về cái giây phút Bác Hồ về nước sau bao năm bôn ba hoạt động cách mạng ở nước ngoài: “Nở trắng hoa kim anh trên biên giới, Bác về/ Xa nước ba mươi năm, một câu Kiều, Người vẫn nhớ/ Mái tóc Bác đã phai màu quá nửa/ Lòng son ngời như buổi mới ra đi” (*Người thay đổi đời tôi – người thay đổi thơ tôi*). Ấy là khi ông nói về Hikmet – nhà thơ, nhà hoạt động xã hội nổi tiếng của Thổ Nhĩ Kỳ: “Một người tù làm ta phá cửa các nhà giam/ Một kẻ lưu vong gắn lòng ta vào đất nước/ Một trái tim đau chia phần cho ta hạnh phúc/ Một tiếng thét căm thù làm ta muốn yêu thương” (*Sáu mươi tuổi một nhà thơ lưu vong nước Thổ*). Ấy là khi sử dụng thủ pháp chơi chữ nhưng cũng qua cái nhìn tương phản, đối lập mà ngòi bút ông chạm đến được lẽ đời, tình người và sự thủy chung sâu thẳm: “Sương dăng mờ trên ngõ Tạm Thương/ Ngõ rất cụt mà lòng xa thẳm/ Ngõ bảy thước mà lòng vạn dặm/ Thương một đời đâu phải tạm thương?” (*Chơi chữ về ngõ Tạm Thương*). Ấy còn là khi ông nói thật sắc sảo cái kín đáo, thâm trầm, sâu lắng của tình yêu tuổi năm mươi: “Anh tặng em yêu chùm hoa sắc trắng/ Nhưng khi yêu anh yêu đỏ hoa hồng/ Tuổi năm mươi tình yêu như lửa đỏ/ Nhưng bên ngoài vẫn cứ trắng như không” (*Hoa trắng đỏ*). Trí tuệ thể hiện ở tài năng thiết kế hình ảnh đa dạng, phong phú, tầng tầng lớp lớp.

Thiên về trí tuệ, cho nên dấu có biệt tài tạo dựng, thiết kế hình ảnh nhưng đa phần là những hình ảnh để nói lý, để diễn ý, chứ không phải để biểu cảm, để nói tình. Một kiểu hình ảnh thiên về khái niệm, duy lý, ít nhiều làm mất đi tính trực quan.

Trí tuệ cũng thể hiện ở sở trường về thể loại: thơ tự do, thơ văn xuôi và tứ tuyệt. Thơ tự do và thơ văn xuôi tạo điều kiện cho ngòi bút Chế Lan Viên tung hoành, có khả năng phá vỡ khuôn khổ bình thường của những câu thơ, tạo nên âm hưởng, nhạc điệu thích hợp, khai phóng trí tuệ, mở đường cho nhà thơ bộc lộ hết những suy nghĩ của mình về con người, cuộc sống và nghệ thuật. Còn tứ tuyệt, như Xuân Diệu nhận xét: là “một thể thơ rất khó, phải tập trung, hàm súc, và cần có một sáng tạo gì như là một sự bất ngờ, một ẩn khúc bốn câu”⁷. Với tư cách là một thể loại, tứ tuyệt là một góc nhìn hẹp ra thế giới, nó đòi hỏi nhà thơ có khả năng giải quyết được mối quan hệ giữa cái vi mô và cái vĩ mô; từ cái nhỏ, cái hẹp mà hướng tới, mở ra được cái vô cùng, vô tận. Tứ tuyệt đòi hỏi nhà thơ cần phải cô đọng, dồn nén ý tưởng, cảm xúc vào trong một khuôn khổ chật hẹp của câu chữ, như người kiến trúc sư có khả năng dựng nên tòa nhà cao tầng trong một mảnh đất hẹp. “Tăng tính khái quát triết lý ở chủ đề là một cách chiếm lĩnh chiều sâu trong tứ tuyệt Chế Lan Viên. Phong cách triết lý của Chế Lan Viên đã sở đắc với thể loại tứ tuyệt, một thể loại giàu sức khái quát và triết lý. Từ một chi tiết, một hình ảnh cụ thể, Chế Lan Viên bao giờ cũng cố gắng phát hiện cái cốt lõi trừu tượng, một ý vị triết học đòi thường sâu sắc”⁸. Trong số các nhà thơ Việt Nam hiện đại, Chế Lan Viên là người đáp ứng xuất sắc nhất đòi hỏi

ngghiêm ngặt ấy, trở thành nhà thơ làm thơ tứ tuyệt đặc sắc, thành công nhất trong nền thơ Việt Nam hiện đại. Ở những bài xuất sắc, tứ tuyệt của Chế Lan Viên thường không tĩnh tại như một bức tranh mà có sự vận động, có tính quá trình, tức là có sự phá vỡ giới hạn của thể loại. Những bài thơ tứ tuyệt đặc sắc của Chế Lan Viên là một bằng chứng đầy thuyết phục về sự gặp gỡ, hòa hợp giữa phong cách cá nhân nhà văn và phong cách thể loại.

Chế Lan Viên cho rằng: “Thực ra khi đã là thơ thì khó phân biệt đâu là trái tim, đâu là bộ óc”⁹. Quả đúng như thế. Nhưng trong đời sống văn học vẫn nổi lên một thực tế là có nhà văn viết chủ yếu bằng trái tim, có người lại viết chủ yếu bằng bộ óc, và cố nhiên cũng có nhà văn đạt đến sự hài hòa giữa trái tim lớn và trí tuệ lớn. Đốt cháy trí tuệ mới thành cảm xúc, tình cảm là kiểu tư duy thơ của Chế Lan Viên. Và khi đã tạo được cảm xúc, tình cảm thì đó cũng thường là những tình cảm có tính chất tổng hợp, nhiều tình cảm chen cài, không đơn điệu, hời hợt mà sâu sắc, đầy trăn trở, đa dạng và phong phú. Đọc thơ Chế Lan Viên, thấy nổi bật lên một đặc điểm, dấu có sự thống nhất giữa tình cảm và trí tuệ thì vẫn có phần thiên về trí tuệ, đúng như quan niệm của ông: “Thơ không chỉ đưa ru mà còn thức tỉnh”; “đưa ru” tạo đà cho “thức tỉnh” và “thức tỉnh” làm cho “đưa ru” sâu lắng hơn; cái trí tuệ làm sáng thêm cái tình. Những hình tượng và biểu tượng, những hình ảnh và chi tiết, mọi thủ pháp và biện pháp nghệ thuật ở Chế Lan Viên đều chịu sự điều khiển của tư tưởng, của trí tuệ, chủ yếu là để bồi đắp, làm nổi bật vấn đề, để nuôi dưỡng tư thơ và mạch suy tưởng hơn là để làm điểm tựa cho

cảm xúc. Phong cách thơ Chế Lan Viên làm gợi nhớ đến quan niệm của một nhà thơ Xô viết: “Trí tuệ điều khiển tài năng. Trí tuệ điều khiển cả cái đẹp như nhà kỹ sư dùng kinh nghiệm điều khiển con ngựa bất kham”. Có thể nói, chất trí tuệ là vẻ đẹp rực rỡ, sáng chói, là hạt nhân cơ bản nhất tạo nên thế giới nghệ thuật thơ Chế Lan Viên. Chất trí tuệ làm cho thơ ông có tầm cao tư tưởng, có được cái tư thế vững vàng, có thêm tầm vóc, và khi nào cảm xúc theo kịp suy nghĩ, hòa hợp với tình cảm thì thơ ông tạo được sự kết tinh, độ lắng đọng, những âm vang cũng trở nên xa rộng hơn.

“Thơ không chỉ đưa ru mà còn thức tỉnh”. Đúng vậy, nếu chỉ có cảm xúc, chỉ “đưa ru” thì thơ có thể rơi vào tình trạng hời hợt, nông cạn. Ngược lại, chỉ có trí tuệ, chỉ “thức tỉnh” thì thơ lại dễ rơi vào tình trạng khô khan. Thơ tác động, “thức tỉnh” theo cách riêng: bằng cách khiến ta xúc động thông qua những hình tượng, biểu tượng độc đáo, qua ngôn ngữ giàu hình ảnh, giàu nhạc tính và giàu sức biểu cảm. Ở những bài thơ xuất sắc của Chế Lan Viên thường có sự kết hợp, thống nhất hài hòa giữa cảm xúc và trí tuệ, cảm xúc gắn với suy tưởng, triết lý. Trong những trường hợp như thế, thơ Chế Lan Viên giàu chất trí tuệ, giàu triết lý mà vẫn rất thơ, tác động mạnh vào tâm trí, làm say lòng người. Đúng như nhận xét của Trần Mạnh Hào: “Khi bài thơ đã đạt được sự hay, nó không còn phân biệt được đâu là tư tưởng, đâu là cảm xúc, đâu là xác và đâu là hồn nữa”¹⁰. Sự vận động của mạch thơ trong những bài thơ xuất sắc của Chế Lan Viên thường là từ những chi tiết, những hình ảnh, những cảm xúc cụ thể dẫn đến những suy ngẫm triết luận: “Con dù lớn vẫn

là con của mẹ/ Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con” (Con cò); “Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở/ Khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn”, “Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương” (Tiếng hát con tàu); “Lòng ta, chứa bao giờ ta đi hết được/ Đi hết lòng, tiếng khóc hóa lời ca” (Nhật ký một người chữa bệnh); “Dẫu muốn sống không thể quỳ để sống/ Hái hòa bình xin hái giữa phong ba!” (Cái hầm chông giản dị); “Dẫu là Chúa cũng sinh từ ruột máu/ Ta sinh ra đời, sao khỏi những cơn đau?” (Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?); “Chúng ta ở trên đời không phải để ra lộc ra hoa mà còn để mang thương tích” (Nhiệm vụ). Cái khát vọng của ông, đóng bài thơ của mình như “đóng cái cọc vào đời để chống nước trôi xuôi” bằng rung động tâm hồn, bằng tình cảm, điều đó cố nhiên rồi, nhưng chủ yếu là bằng tư tưởng sâu sắc, trí tuệ sắc sảo. Ở những bài thơ xuất sắc trong đó có một số bài xứng đáng được xếp vào hàng kiệt tác, thơ Chế Lan Viên không chỉ làm rung động lòng người mà còn có khả năng thức tỉnh con người, góp phần giải đáp những vấn đề về cuộc sống và con người, về Tổ quốc, nhân dân và thời đại. Chân lý nghệ thuật ở đây được người đọc tiếp nhận qua cả hai kênh lý trí và cảm xúc.

Như trên đã nói, phát huy sức mạnh của trí tuệ là thế mạnh của thơ Chế Lan Viên. Tuy nhiên, trí tuệ trong nhiều trường hợp cũng làm hạn chế sức hấp dẫn, lôi cuốn của thơ ông, khi mà tình cảm không theo kịp lý trí. Khi trí tuệ lấn át tình cảm, “quá tỉnh” thì ý thơ, lời thơ không còn giữ được vẻ tự nhiên. “Ở những bài thơ thành công rực rỡ - Phạm Hồ viết - ta thấy tình cảm và trí tuệ của anh đã hòa nhuyễn vào nhau thành một. Còn trong một số bài (thường là những

bài thơ chính luận) mà người đọc cảm thấy khô hoặc dài, hoặc đơn điệu, thì thường đó là những trường hợp phần trí tuệ đã lấn át phần tình cảm, phần kiến thức đã lấn át phần rung động, phần chính trị đã lấn át phần thơ... Nhưng hầu như không có ai chê thơ anh là dễ dãi. Bởi vì thơ Chế Lan Viên không bao giờ dễ dãi¹¹. Vũ Tuấn Anh nhận xét về những bài thơ đánh Mĩ của Chế Lan Viên: “Phải chăng người ta nghĩ nhiều đến trí tuệ của thơ Chế Lan Viên còn vì vai trò tình cảm trong thơ anh chưa thật đậm, chưa cân xứng với trí tuệ ấy? Đây là điều đáng nói hơn cả trong những điều đáng nói về nhược điểm của thơ Chế Lan Viên. Nhìn chung, quá trình thai nghén một bài thơ của Chế Lan Viên có lẽ chủ yếu là quá trình tích tụ những suy nghĩ rồi vận động tổ chức chúng lại thành thơ hơn là để bài thơ chín dần trong cảm xúc. Cấu trúc bài thơ của anh cũng là theo logic của suy nghĩ hơn là theo mạch tình cảm. Thơ của Bác, của Tố Hữu, tình cảm chất lọc, cảm xúc rất hồn nhiên mà triết lý sâu sắc; còn phong cách thơ Chế Lan Viên là nhiều lý lẽ thể hiện bằng ngôn ngữ, hình tượng mới lạ, nhưng tình cảm có khi chưa thấm thía¹².”

Như vậy, trí tuệ sắc sảo tài hoa là hạt nhân cơ bản, là yếu tố nền tảng của phong cách thơ Chế Lan Viên. Lê Đình Kỳ bày tỏ: “Tôi không coi Chế Lan Viên là nhà thơ tư tưởng và nghĩ rằng tư tưởng trong thơ anh sắc cạnh, độc đáo nhờ cách diễn đạt hơn là do tự thân của nó¹³.” Vũ Tuấn Anh cũng cho rằng: “Xét cho kỹ, chất trí tuệ trong thơ Chế Lan Viên không phải chứa đựng những phát hiện lớn về tư tưởng, triết lý. Triết lý trong thơ Chế Lan Viên nằm trong tư tưởng lớn của Đảng ta, của dân tộc ta. Có điều anh

biết suy nghĩ, và biết cảm xúc, và diễn đạt nó bằng hình tượng, biết phân tích và tổng hợp nó lại theo một lối cấu tứ mang đậm màu sắc riêng và gói nó trong không khí thơ¹⁴.” Không hẳn như vậy. Nhà văn lớn nào, ngay cả những thiên tài, đều chịu ảnh hưởng tư tưởng của thời đại. Chỉ có điều, tư tưởng ấy, qua ngòi bút đầy tài năng, đã tạo nên được cách nhìn, cách nói riêng, đã hóa thân thành những hình tượng, biểu tượng độc đáo, thực sự trở thành máu thịt, tâm hồn, trí tuệ của ông ta, để biến cái tư tưởng của một thời trở thành cái muôn thuở, muôn đời. Nhà văn lớn, như trên đã nói, trước hết là một nghệ sĩ, và qua tác phẩm của mình, họ hiện ra như một nhà tư tưởng. Mai Quốc Liên có lý khi gọi Chế Lan Viên là “nhà thơ-tư tưởng¹⁵.” Tư tưởng nghệ thuật của Chế Lan Viên là những suy tư, những tìm tòi của một nhà thơ gắn bó máu thịt với cuộc đời rộng lớn, với dân tộc và thời đại, được chung cất, chất lọc, qua sự chiêm nghiệm, trải nghiệm sâu sắc của ông. Chế Lan Viên vừa có được tài năng thi ca thiên bẩm, vừa có một tri thức khổng lồ, một trí tuệ vô cùng thông minh, sắc sảo, tạo nên một tâm hồn thơ đầy những dẫn vật, luôn suy ngẫm, vắt kiệt trí tuệ của mình để hướng tới những khái quát sâu sắc và tầm cao triết học. Ông là một tài năng lớn, nhà nghệ sĩ đồng thời là nhà tư tưởng của nền thơ hiện đại Việt Nam.

Với một trí tuệ đặc biệt sắc sảo và vốn tri thức văn hóa sâu rộng, cùng với cái nhìn chạm được vào bản chất, cốt lõi của sự vật, hiện tượng, Chế Lan Viên còn tạo được cho mình một cái nhìn nghệ thuật giàu tính khái quát, tổng hợp, kết hợp được trí tưởng tượng tổng hợp và trí tưởng tượng sáng tạo. Chính cái nhìn đa chiều, cái khát vọng “Phát

giác sự việc ở những "bề chưa thấy...". "Nhìn cuộc đời phía dưới phía trên, phía sau, phía trước" (*Nghĩ về nghề, nghĩ về thơ, nghĩ...*), "Vực sự sống ba chiều/ lên trang thơ/ hai mặt" (*Thơ bình phương – đời lập phương*), cái ý thức nghệ thuật không quan sát đối tượng ở một góc nhìn duy nhất, tiếp cận sự vật từ nhiều phía, không tĩnh tại mà như một quá trình, đã tạo nên cái nhìn nghệ thuật giàu tính khái quát, tổng hợp này. Tâm bao quát rộng xa và sức nghĩ lớn, sâu xa là đặc điểm nổi bật của tư duy nghệ thuật Chế Lan Viên. Ở những bài thơ thành công, Chế Lan Viên đã phát huy được sở trường năng lực tổng hợp, trí tuệ sắc sảo, ý thức phát hiện và đào sâu từng mặt, từng khía cạnh của vấn đề. Thơ ông có khả năng bao quát rộng lớn, kết hợp khá hài hòa giữa hiện thực và trữ tình, giữa cái "chân" và cái "ảo" (vì quan niệm "làm thơ là nói, là viết về cái điều tò ra trước thực tế chứ không phải chỉ bằng bản thân thực tế: không có thực tế thì không có cái tò ra đó"; "Hiện thực không có trữ tình hỗ trợ là hiện thực vắn xuôi"¹⁶), kết hợp yếu tố sử thi và yếu tố đời thường, cái tinh tế tài hoa và cái thâm trầm triết học, tạo nên một thế giới nghệ thuật phong phú, đa tầng, đa nghĩa. Chế Lan Viên đã vận dụng đầy sáng tạo nhiều hình thức thơ, như khao khát của ông: "Cuộc đời cần đẻ ra nhiều hình thức/ Dù là ngọc thì cũng nhiều viên ngọc/ Chứ đâu phải cứ xanh xanh vĩnh viễn một màu trời". Với cái nhìn mang tính chất tổng hợp, Chế Lan Viên đã tạo nên một thế giới thơ lung linh sắc màu (có người ví như cây thông Noel), nhiều màu sắc, vừa thực vừa ảo, tầng tầng lớp lớp đan cài vào nhau. Chế Lan Viên đã huy động và thiết kế đủ các kiểu hình ảnh: hình ảnh thực, hình ảnh được gọi về từ trong ký ức, hình ảnh ẩn

dụ - ẩn dụ đơn và ẩn dụ kép, ẩn dụ nhiều tầng - thật đa dạng và phong phú.

Chế Lan Viên luôn có ý thức "Hôn phối nhiều loại thơ để đẻ ra loại thơ ưu tú" (*Thơ bình phương – đời lập phương*). Là một tài năng lớn, ông đã "hôn phối", đã tiếp thu một cách đầy sáng tạo nghệ thuật thơ, cả cổ điển và hiện đại, của phương Đông và phương Tây. Mai Quốc Liên nhận xét xác đáng rằng: "Chế Lan Viên thu hút tinh hoa của nhiều nền thơ vào thơ mình mà không làm mất bản sắc riêng, bản sắc dân tộc" mà nổi bật nhất là tiếp thu một cách đầy sáng tạo "một bí quyết lớn của thơ Đường, đó là nghệ thuật sử dụng cái đối nghịch, cái đối nghịch là một quy luật, một phạm trù bản thể luận của của nghệ thuật [...]. Ngoài ra, còn là sự phối hợp giữa nhạc và ý, giữa hư và thực, giữa duy lý và phi lý, giữa cái mơ hồ đầy ẩn ý "khả giải bất khả giải chi gian..." và cái hàm súc, dư ba "lời hết mà ý không cùng", "câu thơ như trôi giữa sự nhớ nhưng giữa hai bờ mộng và thực"; những cái đó lại được nung nấu trong tính chất hiện đại đầy trí tuệ của thơ Brecht, Neruda, Apollinaire, Eluard, Aragon... Đó là một thi pháp chung cất được từ các nền thơ của các thế kỷ. Phong cách của Chế Lan Viên là một bước đổi mới trong thi ca Việt Nam, thơ anh gây được ấn tượng sâu xa lâu bền một phần nhờ vào đó"¹⁷. Chế Lan Viên đã thu nạp được vào thơ mình, tổng hợp được cái giàu có và duy lý của phương Tây, cái sâu sắc và huyền diệu của phương Đông, tạo ra sức khái quát lớn, mở ra những chân trời liên tưởng bát ngát. Chế Lan Viên đã tạo nên một thế giới nghệ thuật thơ vừa đặc sắc vừa đa dạng, phong phú, nhiều tầng ý nghĩa với tứ thơ độc đáo mà phóng túng, hình ảnh đa

dạng, ngôn ngữ tân kỳ, mới lạ. Một phong cách thơ đặc sắc, vừa có nét bền vững vừa đa dạng, biến đổi qua từng thời kỳ, như chính quan niệm của ông về thi pháp: “Thi pháp đá và thi pháp lửa/ Thi pháp Núi và thi pháp Đất/ Thi pháp đứng từ xa, trên non cao nhìn vạn vật/ Tóm thâu tất cả trận đồ trong một câu, một cái nhìn...” (Thi pháp). Có thể nói, tính đa nghĩa, đa diện, đa thanh, đa sắc, có tính chất khái quát, tổng hợp cao nhằm khái quát sự đa dạng, phong phú vô cùng của cuộc sống là một đặc trưng cơ bản của phong cách thơ Chế Lan Viên.

Cái nhìn nghệ thuật của Chế Lan Viên trong thơ giai đoạn 1945-1975 là cái nhìn mang tính chất sử thi nhưng vẫn có những nét riêng, in đậm dấu ấn của một cá tính sáng tạo độc đáo.

Như mọi người đều biết, thơ Việt Nam từ 1945 đến 1975 chủ yếu được sáng tác theo khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn. Thơ Chế Lan Viên cũng không vượt ra ngoài khuynh hướng chung đó.

Khuynh hướng sử thi đòi hỏi người cầm bút nhìn con người và cuộc đời không chỉ bằng con mắt cá nhân mà còn chủ yếu bằng con mắt của cộng đồng, mang tầm bao quát của lịch sử, của dân tộc và thời đại. Hòa nhập vào không khí chung của thời đại chống Mĩ, là nhà thơ giàu chất trí tuệ, Chế Lan Viên ý thức rất rõ cần phải khám phá, phát hiện dân tộc và thời đại mình như thế nào. Ông tự giác về cái nhìn, về chỗ đứng của mình: “Vói chiến công, ta hiểu lại các vấn đề/ Phát giác sự việc ở bề chưa thấy...” (Thời sự hè 72, bình luận). Với cái nhìn vừa có tính chất sử thi vừa có chiều sâu của trí tuệ, ông đã “Nhìn thấu vận mệnh nghìn năm sau cho Tổ quốc/ Một câu Kiều cho chí một

nhành hoa/ Đều là của nhân dân, không để mất/ Thế hệ này như hai thế hệ đi qua/ Tay cân lại của cha ông từng nắm đất/ Rồi giữ gìn bằng chính máu xương ta” (Con mắt Bạch Đằng – con mắt Đống Đa). Ông tiếp tục phát hiện Tổ quốc và nhân dân từ một chỗ đứng mới, trên một tầm cao mới: “Bốn nghìn máy bay đã để thành kỳ đài cho ta đứng chót vót cao trên đầu quân giặc/ Nghìn chiến công mới đắp vào cho cái núi ấy thêm cao” (Tuyên bố của mỗi lòng người, khẩu súng, cành hoa); “Này, thời đại anh có cái gì khác chứ?/ Hình như anh có cả cơn mưa lửa/ Hãy mang con mắt thời đại mình để nhìn trời mưa cũ/ Nếu không, dù anh có tuôn xuống trăm câu, nghìn chữ/ Cũng thừa” (Thơ bình phương – đời lập phương). Tiếp cận và phản ánh hiện thực từ cái nhìn mang tính chất sử thi, xem xét mọi giá trị - kể cả giá trị thẩm mỹ - từ những tiêu chí và lợi ích cộng đồng, Chế Lan Viên cũng như nhiều nghệ sĩ chân chính khác của thời đại, đều tự nguyện: “Cái tinh-tế-cỏ-hoa tạm thời chưa nghĩ đến/ Vì ta đang tính đến triệu sinh mệnh con người và vạn khoảnh non sông” (Thời sự hè 72, bình luận). Nhưng trong khuynh hướng có tính chất sử thi, trong cái dàn đồng ca của thơ chống Mĩ, thơ Chế Lan Viên vẫn không lẫn với thơ của những cây bút khác. Ấy là vì ông luôn có ý thức chăm lo cho cái bản sắc riêng, cái độc đáo của ngòi bút mình: “Ca chung chế độ/ Trên miền riêng tôi”, “Lấy đá mới tạc nên thần mới/ Mang nụ cười chưa có nghìn xưa”. Vì gắn bó sâu sắc với nhân dân và đất nước, vì quan niệm “Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép/ Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia” (Tiếng hát con tàu), bởi thấu hiểu “Bài thơ anh, anh làm một nửa mà thôi/ Còn một nửa cho mùa thu làm lấy/ Cái xào xạc hồn

anh chính là xào xạc lá/ Nó không là anh, nhưng nó là mùa" (*Sổ tay thơ*), "Dấu tuyết bút thì thơ cũng là con đẻ của đời", "Dù tả một làn mây/ Cũng là mây thời đại" nên hồn thơ Chế Lan Viên thường trực ý thức gắn bó sâu sắc với con người và thời đại, theo cách riêng của ông. Trong bối cảnh cả nước tập trung chiến đấu cho sự sống còn của Tổ quốc, Chế Lan Viên luôn đề cao vấn đề thơ cần có ích: "Thơ cần có ích/ Hãy bắt đầu từ nơi ấy mà đi". "Tôi nghĩ: "Thơ có ích còn chưa ăn thua gì, hưởng nữa là thơ vô ích" [...]. Nhưng nghĩ như thế này cũng chỉ để xác định thêm rằng cuối cùng thơ cần phải có ích hơn nữa mà thôi. Xác định rằng cuối cùng những đề tài về sống chết, mất còn của con người vẫn là cơ bản hơn các đề tài về buồn vui, sướng khổ. Rằng đề tài về số mạng của từng khối người, tập thể người, nhân loại cần phải đặt cao hơn đề tài về thân phận một con người..."¹⁸.

Từ 1945 đến 1975, nhất là thơ thời kỳ chống Mĩ, thơ Chế Lan Viên gắn với vấn đề thời sự, chính trị của đất nước nhưng vẫn chứa đựng những tâm tình riêng. Ông nói đến cái cộng đồng, cái "ta" chung nhưng vẫn có sắc thái riêng, vẫn phát huy được trí tưởng tượng phong phú, mạnh mẽ, vẫn mang một giọng điệu riêng, tạo nên một âm hưởng riêng, gọi lên được những rung động chân thành, mãnh liệt và có khả năng đọng lại lâu dài trong lòng người đọc. Một số bài thơ trong tập *Những bài thơ đánh giặc* có sự kết hợp khá hài hòa giữa cảm hứng dân tộc, cảm hứng thời đại với cảm hứng anh hùng. Vũ Quần Phương nhận xét: Chế Lan Viên "là người chủ lực trong cả nền thơ, tạo nên mạch trữ tình lịch sử, trữ tình của những sự kiện lớn"¹⁹. Bám chắc, đào sâu vào những

vấn đề thời sự, chính trị, nhiều bài thơ trong các tập *Hoa ngày thường – chim báo bão* (1961-1967), *Những bài thơ đánh giặc* (1970-1972), *Đôi thoai mới* (1967-1973) của Chế Lan Viên quả là đã tạo nên được một "dàn đại bác thơ", hùng hực tinh thần chiến đấu, có sức mạnh như những đội quân tinh nhuệ. Những bài thơ đánh giặc của ông chưa hẳn là đã toàn bích nhưng đây đó vẫn lấp lánh những đoạn thơ hay, ý thơ sâu sắc, phát huy cao độ trí tưởng tượng, có sức khái quát cao với những hình ảnh liên kết trùng điệp, tầng tầng lớp lớp. Chế Lan Viên không ca ngợi đất nước, không nhìn hiện thực đời sống một cách đơn giản, xuôi chiều mà bằng cái nhìn có chiều sâu, nhiều chiều, giàu suy tưởng. Với cái nhìn mang tính chất sử thi ("Tâm hồn tôi khi Tổ quốc soi vào/ Thấy ngàn núi, trăm sông diễm lệ"), ông tự ví mình như "con chim lượn trăm vòng" trên Tổ quốc để ngắm nhìn sự đổi thay của đất nước: "Ngày sinh nhật tháng Năm đông Bắc Bộ/ Lúa chiêm phơi chiếu bạc chiếu vàng/ Khắp trung châu những xóm làng thoát khổ/ Hết đêm rồi, đời lật giở qua trang/ Tôi ra bể, cá nòng hơi gió bể/ Sóng du dương ca đất nước mạnh giàu/ Chim bạn hữu rục rờ bay quốc tế/ Đây tương lai như hải cảng lăm tàu/ Ôi! Tương lai như hải cảng lăm tàu/ Những con tàu chờ đây hạnh phúc/ Ôi! Tương lai như mùa chiêm lăm thóc/ Lăm tiếng cười, lăm cánh bồ câu" (*Chim lượn trăm vòng*). Ông ngợi ca trời bể mênh mông: "Ôi, chim én có bay không, chim én?/ Đến những đảo xa, đến những đảo mờ/ Ở đâu chưa đi thì lòng sẽ đến/ Lúc trở về, lòng ngậm những cành thơ/ Thuyền đi xa như thi sĩ, như anh hùng/ Đi chiến đấu và ngợi ca Tổ quốc/ Quay mũi lái cho bãi bờ sóng khuất/ Nghe trên buồm trời bể hát mênh mông..."

(*Qua Hạ Long*). Ông nói lên cái khao khát của con người chung tay xây dựng cuộc sống mới: “Thêm một ngày cho rừng biển thành than/ Cho lớp đất phù sa thành sữa lúa/ Cho lá dâu non dệt thành tơ lụa/ Cho luỹ liềm cong mặt nguyệt nên tròn.../ Thêm một ngày, thêm một tháng, thêm một năm/ Thêm tay ta, thêm lòng ta, thêm cuộc sống/ Như bể lớn thờ thêm từng lớp sóng/ Như đất nước lành thêm sắc máu ở da non” (*Nhật ký một người chữa bệnh*). Một khi hòa nhập được vào không khí chung của đất nước, dân tộc và thời đại, được kích hoạt bởi những sự kiện thời sự, chính trị, xã hội, thì hồn thơ giàu chất trí tuệ của ông như được thăng hoa, và khi đạt được sự kết hợp hài hòa giữa trí tuệ vô cùng sắc sảo với cảm hứng mãnh liệt và tình cảm chân thành thì Chế Lan Viên sáng tạo ra được những tứ thơ thật độc đáo, tầm vóc, thật là tầm vóc (*Kết nạp Đảng trên quê mẹ, Người đi tìm hình của nước, Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng...*).

Nói về xung đột dân tộc, Chế Lan Viên vạch mặt, lên án tội ác tày trời của giặc Mĩ: “Níchxon! Mày không còn nhiên liệu nào khác ư mà đốt những giường trẻ sơ sinh, gót đỏ thiên thần, tay non chơi với?/ Mày chẳng còn con sông nào để ngắm ư mà phải dùng đến máu người?/ Tiếng máu lang thang đi giữa đất trời/ Dầu nghìn thi sĩ thiên tài không đỡ nổi/ Chúa Giê-su bị thương rồi, còn phải bị thương thêm/ Những quả bom mang nhãn hiệu 72, sinh sau Chúa 1972 năm còn giết Chúa!/ Thông điệp mày xuýt xoa Thượng đế từng câu từng chữ/ Mà mày giết những thánh đường, thiêu hủy những tòa sen” (*Thời sự hè 72, bình luận*); phơi bày bộ mặt độc ác, nham hiểm của kẻ thù được che giấu bởi cái vỏ bọc văn minh mỹ miều đầy

xảo quyệt: “Giặc Mĩ giết người rất đổi văn minh/ Bom đạn chúng làm theo hình chim bay, theo hình quả chín/ Phi cơ Mĩ mang cánh những thiên thần bay liệng/ Giặc Mĩ cầm dao bằng những dáng hòa bình” (*Cái hầm chông giã đi*) ... Và khi cảm hứng bốc lên cao độ, đến mức say mê, Chế Lan Viên tạo được những vần thơ đầy cảm xúc. Giọng thơ Chế Lan Viên đông đặc, sang sảng, hùng hồn: “Giặc Mĩ mày đến đây/ Thì ta tiêu diệt ngay!/ Trời xanh ta nổi lửa!/ Bể xanh ta giết mày!” (*Sao chiến thắng*). Trí tuệ sắc sảo, tính chiến đấu mạnh mẽ, ngòi bút tung hoành đã giúp ông tạc nên hình tượng người chiến sĩ anh hùng, vừa thực vừa mang màu sắc huyền thoại, sừng sững hiện ra giữa không gian mang tầm sử thi, mệnh mông bao la của biển trời Tổ quốc: “Tàu Mĩ rưng đất này, ai có nghe chăng?/ Sao thức canh đêm, bể biếc reo mừng/ Sóng ru đất, mây nhả cùng gió thổi:/ - “Thần chiến thắng là những chàng áo vải/ Những binh nhất, binh nhì mười tám tuổi/ Giết quân thù không đợi có hạt nhân”” (*Sao chiến thắng*); “Sắc trời xanh đã hóa màu Tổ quốc/ Xưa cha ông đi mà nay con cháu bắt đầu bay/ Chiều Hà Nội, những thiên thần phản lực/ Xông lên trời lấy máu Mĩ giữa tầng mây...” (*Suy nghĩ 1966*).

Thơ Chế Lan Viên trong thời kỳ chống Mĩ giàu tính chính luận và thời sự. Phát huy sở trường của một cá tính sáng tạo độc đáo, trí tuệ vô cùng sắc sảo, kết hợp khá hài hòa giữa tư duy phân tích và năng lực khái quát, tổng hợp, gắn bó sâu sắc với dân tộc và thời đại, Chế Lan Viên đã vung bút viết nên những bài thơ giàu tính thời sự, mang hơi thở của thời đại, giàu tính chiến đấu và mang âm hưởng anh hùng ca, hào hùng mà

sâu lắng (*Sao chiến thắng; Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?; Con mắt Bạch Đằng – con mắt Đông Đa; Ở đâu? Ở đâu? Ở đất anh hùng...*). Ông say sưa nói đến cái chung, cái muôn người như một của cả cộng đồng: “Những năm cả nước có một tâm hồn, có chung gương mặt/ Nụ cười tiễn đưa con, nghìn bà mẹ như nhau”, “Mỗi bãi sù, bờ đê thoát ra khỏi cuộc sống riêng mình/ Sống đời Tổ quốc”. Ông nói đến cái khát vọng cao cả của con người Việt Nam với cách diễn đạt đầy ấn tượng, có sức ám ảnh lạ thường: “Không ai có thể ngủ yên trong đời chật/ Buồi thủy triều vẫy gọi những vàng trắng/ Mỗi gié lúa đều muốn thêm nhiều hạt/ Gỗ trăm cây đều muốn hóa nên trầm/ Mỗi chú bé đều nằm mơ ngựa sắt/ Mỗi con sông đều muốn hóa Bạch Đằng...” (*Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?*). Giọng thơ ông say sưa, hào hùng, phơi phới như bốc men say. Ông nói được cái niềm tự hào chân chính của con người Việt Nam trong thời đại chống Mĩ, gieo vào tâm hồn con người Việt Nam niềm phấn chấn, đầy sáng khoái, biết mấy tự hào: “Hỡi Sông Hồng khúc hát bốn nghìn năm!/ Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?/ - Chưa đâu! Và ngay cả những ngày đẹp nhất/ Khi Nguyễn Trãi làm thơ và đánh giặc/ Nguyễn Du viết *Kiều*, đất nước hóa thành văn/ Khi Nguyễn Huệ cười voi vào cửa Bắc/ Hung Đạo diệt quân Nguyên trên sóng Bạch Đằng.../ Những ngày tôi sống đây là ngày đẹp hơn tất cả/ Dù mai sau đời muôn vạn lần hơn!/ Trái cây rơi vào áo người ngắm quà/ Đường nhân loại đi qua bóng lá xanh ròn/ Mặt trời đến mỗi ngày như khách lạ/ Gặp mỗi mặt người đều muốn ghé môi hôn...” (*Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?*). Có thể nói, khuynh hướng sử thi với chất trí tuệ, chất chính luận và âm hưởng anh hùng

ca là nét riêng của thơ Chế Lan Viên trong thơ Việt Nam những năm chống Mĩ. Cảm hứng sử thi, cảm hứng dân tộc, cảm hứng thời đại và cảm hứng anh hùng đã chấp cánh, nâng đỡ hồn thơ Chế Lan Viên lên một tầm cao mới.

Tuy nhiên, do cái tầm tư tưởng của thời đại, vì tự giới hạn cá tính sáng tạo của mình “suy nghĩ trong những điều Đảng nghĩ”²⁰ và “Bay theo đường dân tộc đang bay”, khi đã thả hồn mình theo cái đà bay cao ấy, đôi khi ông đã quá đà, cái lý trí dẫu tinh táo đến đâu cũng không kìm, không hãm lại được. Ấy là khi, vì quá say sưa, ngây ngất trước chiến công oai hùng của cuộc kháng chiến chống Mĩ, ông lại thấy thương cho đất nước mình những “thế kỷ vắng anh hùng”, những năm tháng sống cuộc đời le lói: “Ôi! Thương thay những thế kỷ vắng anh hùng/ Những đất nước thiếu người cầm thanh gươm nghìn cân ra trận/ Nhà thơ sinh đồng thời với mưa phùn và những buổi hoàng hôn/ Cả xứ sở trắng một màu mây trắng/ Ai biết mây trên trời buồn hơn hay thơ mặt đất buồn hơn?” (*Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?*). Quá đà, khi ông quá say sưa, khi hùng hồn khẳng định dân tộc ta đang trong “thế thắng”, thế “đi lên” còn để quốc là thế “bóng tối”, thế “đi xuống lụi tàn”: “Cuộc chạm trán tất nhiên, cuộc đương đầu không tránh né/ Ta là ta mà cũng là nghìn triệu người ký thác trong ta/ Ta thế thắng, thế đi lên, chủ động mở cửa cho bình minh, cho thế kỷ/ Và mây thế bóng tối, thế đi xuống lụi tàn, để quốc hóa ra ma...” (*Thời sự hè 72, Bình luận*). Ở đây, có thể thấy, tư tưởng của thời đại đã ảnh hưởng sâu sắc đến thơ ông; và nhà thơ dẫu tài năng đến đâu cũng không vượt lên cái

tâm tư tưởng của thời đại.

Tác phẩm văn học, xét đến cùng, là con đẻ của thời đại. Qua nhà văn, người đọc nhận ra thời đại của ông ta. Có ai đó nói rằng một cuộc chiến tranh có tầm vóc sử thi là cuộc chiến tranh mang tầm nhân loại. Đóng góp to lớn của Chế Lan Viên đối với nền thơ chống Mĩ là đã đem đến một phong cách riêng độc đáo, đáp ứng xuất sắc đòi hỏi, yêu cầu của thời đại, góp phần quan trọng tạo nên thành tựu của thơ Việt Nam thời kỳ chống Mĩ.

Tài thơ thiên bẩm, ý chí và nghị lực phi thường, ý thức lao động nghệ thuật hết mình, gắn bó sâu sắc với Tổ quốc, nhân dân và thời đại, tất cả những điều đó đã tạo nên một nhà thơ lớn Chế Lan Viên, tầm vóc, thật là tầm vóc, mà cho đến nay, ít cây bút nào sánh kịp. Chế Lan Viên đã đóng góp vào nền thơ hiện đại Việt Nam một cách nhìn mới, một cách nghĩ mới, một cách cảm xúc mới... tức là một phong cách cá nhân vô cùng độc đáo. Với năm mươi năm miệt mài lao động nghệ thuật, nỗ lực sáng tạo không ngừng, Chế Lan Viên đã để lại một sự nghiệp thơ lớn lao, có sức sống mãnh liệt, trong đó có những bài đủ sức vượt qua được thử thách khắc nghiệt của thời gian. Ông là một thiên tài của nền thơ ca hiện đại Việt Nam, một nhà văn hóa lớn của dân tộc. ■

Chú thích:

¹ Nguyễn Đình Thi, "Lời vĩnh biệt cuối cùng", trong *Chế Lan Viên người làm vườn vĩnh cửu*, (Phong Lan sưu tầm, tuyển chọn, biên soạn), NXB Hội Nhà văn, 1995, tr. 298.

² Chế Lan Viên, "Nghĩ về nghề, nghĩ về thơ, nghĩ...", trong *Tuyển tập Chế Lan Viên*, tập I, NXB Văn học, H., 1985, tr. 246.

³ Chế Lan Viên (1981), *Nghĩ cạnh dòng thơ*, NXB Văn học, tr. 196.

⁴ Võ Văn Trực, "Nhớ về một nhà thơ", trong *Chế Lan Viên - về tác gia và tác phẩm*, (Vũ Tuấn Anh tuyển chọn và giới thiệu), NXB Giáo dục, 2000, tr. 697.

⁵ Vân Long, "Lời bình bài thơ *Ví với dòng sông* của Chế Lan Viên", *Văn nghệ*, số 25, ngày 20.6.2009.

⁶ Phạm Hồ, "Con đường và tầm vóc thơ Chế Lan Viên", trong *Chế Lan Viên người làm vườn vĩnh cửu*, Sđd, tr. 197.

⁷ Xuân Diệu, "Đọc Ánh sáng và phù sa", trong *Chế Lan Viên người làm vườn vĩnh cửu*, Sđd, tr. 44 - 45.

⁸ Lê Lưu Oanh - Đinh Thị Nguyệt, "Thơ tứ tuyệt Chế Lan Viên", trong *Chế Lan Viên - về tác gia và tác phẩm*, Sđd, tr. 206 - 207.

⁹ Chế Lan Viên, *Nghĩ cạnh dòng thơ*, Sđd, tr. 204 - 205.

¹⁰ Trần Mạnh Hào, "Người làm vườn vĩnh cửu", trong *Chế Lan Viên người làm vườn vĩnh cửu*, Sđd, tr. 219.

¹¹ Phạm Hồ, "Con đường và tầm vóc thơ Chế Lan Viên", trong *Chế Lan Viên người làm vườn vĩnh cửu*, Sđd, tr. 198.

¹² Vũ Tuấn Anh, "Thơ đánh Mĩ của Chế Lan Viên", trong *Chế Lan Viên - về tác gia và tác phẩm*, Sđd, tr. 95.

¹³ Lê Đình Kỳ, "Những biển cồn, hãy đem đến trong thơ", trong *Chế Lan Viên người làm vườn vĩnh cửu*, Sđd, tr. 77.

¹⁴ Vũ Tuấn Anh, "Thơ đánh Mĩ của Chế Lan Viên", trong *Chế Lan Viên - về tác gia và tác phẩm*, Sđd, tr. 95.

¹⁵ Mai Quốc Liên, "Thương tiếc anh Chế Lan Viên", trong *Chế Lan Viên người làm vườn vĩnh cửu*, Sđd, tr. 341.

¹⁶ "Chế Lan Viên và bài thơ *Tiếng hát con tàu*", trong Hà Minh Đức (Chủ biên), *Nhà văn nói về tác phẩm*, NXB Văn học, 1994, tr. 13.

¹⁷ Mai Quốc Liên, "Thương tiếc anh Chế Lan Viên", trong *Chế Lan Viên người làm vườn vĩnh cửu*, Sđd, tr. 340 - 341.

¹⁸ Chế Lan Viên, *Nghĩ cạnh dòng thơ*, Sđd, tr. 196.

¹⁹ Vũ Quần Phương, *30 tác giả văn chương*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2009, tr. 89.

²⁰ Chế Lan Viên, *Suy nghĩ và bình luận*, NXB Văn học, 1971, tr. 15.